

CÓ HAY KHÔNG CÓ SỰ KHÁC NHAU KHI CÔNG CHỨNG HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN VÀ GIẤY ỦY QUYỀN

TS. Lê Thu Hà

1. Những quan điểm thực tế về hợp đồng ủy quyền và giấy ủy quyền

Cùng với sự phát triển của hệ thống pháp luật trong đời sống xã hội, ngày càng có nhiều giao dịch về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại... cần đến vai trò của công chứng. Nhu cầu ủy quyền thực hiện các giao dịch dân sự cũng ngày một gia tăng. Trong thực tế, yêu cầu công chứng văn bản ủy quyền chiếm một lượng lớn trong các việc công chứng.

Nhưng cũng từ thực tế, hiện có hai quan điểm của giới công chứng về văn bản ủy quyền:

Thứ nhất là hợp đồng ủy quyền có bên ủy quyền và bên được ủy quyền

Điều 581, Bộ luật Dân sự năm 2000 quy định “Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, còn bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao, nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”. Căn cứ quy định này, việc ủy quyền phải được lập thành dưới dạng hợp đồng.

Thứ hai là giấy ủy quyền chỉ cần bên ủy quyền ký

Căn cứ pháp lý cho quan điểm thứ hai là quy định tại Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực. Điều 48 của Nghị định quy định:

“1. Việc ủy quyền có thù lao, có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền hoặc để chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản phải được lập thành hợp đồng.

Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực thì bên ủy quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực nơi thường trú hoặc tạm trú có thời hạn của họ công chứng, chứng thực hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực nơi họ thường trú hoặc tạm trú có thời hạn công chứng, chứng thực tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này hoàn tất thủ tục công chứng, chứng thực hợp đồng ủy quyền.

2. Việc ủy quyền không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này thì không phải lập thành hợp đồng ủy quyền mà có thể được lập thành giấy ủy quyền và chỉ cần người ủy quyền ký vào giấy ủy quyền”

Như vậy, mặc dù không được quy định trong Bộ luật dân sự, nhưng giấy ủy quyền cũng là một hình thức của văn bản ủy quyền, được quy định trong Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08/12/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

Nhưng điểm khác quan trọng nhất trong những quy định này giữa hợp đồng ủy quyền và giấy ủy quyền là hợp đồng ủy quyền phải có hai bên ký, nhưng giấy ủy quyền chỉ cần người ủy quyền ký vào giấy ủy quyền là đủ để công chứng viên chứng thực giấy ủy quyền.

2. Để có cơ sở xác định văn bản ủy quyền là “hợp đồng ủy quyền” hay là “giấy ủy quyền”, trong giấy ủy quyền chỉ cần người ủy quyền ký hay phải có hai bên ký, căn cứ vào những quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 581 Bộ luật dân sự quy định: “Hợp đồng ủy quyền là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó, bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện công việc nhân danh bên ủy quyền, còn bên ủy quyền chỉ phải trả thù lao, nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”

Hợp đồng ủy quyền là một dạng của giao dịch dân sự. Theo quy định, giao dịch dân sự là hành vi pháp lý đơn phương hoặc hợp đồng¹. Hành vi pháp lý đơn phương có thể là việc di chúc để lại tài sản. Khi viết di chúc, người viết di chúc đơn phương thể hiện ý chí của mình trong việc định đoạt tài sản của người đó cho những người còn sống. Hình thức thứ hai của giao dịch dân sự là hợp đồng. Theo Điều 388 Bộ luật dân sự, hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự. Căn cứ vào quy định này, hợp đồng dân sự được hình thành bởi các bên, mà ít nhất là hai bên. Không có các bên, không có quan hệ hợp đồng. Nếu chỉ là một bên xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự thì đó không phải là quan hệ hợp đồng, đó là hành vi pháp lý đơn phương.

Vì thế, việc nghị định 75/2000/NĐ-CP hướng dẫn giấy ủy quyền chỉ cần bên ủy quyền ký là trái quy định của Bộ luật dân sự.

Vấn đề thứ hai là về hình thức của ủy quyền. Hiện tại, Bộ luật dân sự năm 2005 không quy định hình thức ủy quyền. Đây cũng là điểm khác biệt giữa Bộ luật dân sự năm 2005 và Bộ luật dân sự năm 1995. Điều 586 Bộ luật dân sự năm 1995 quy định rõ hình thức hợp đồng ủy quyền: “hợp đồng ủy quyền phải được lập thành văn bản; nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định, thì hợp đồng ủy quyền phải có chứng nhận của công chứng nhà nước hoặc chứng thực của ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền.” Bộ luật dân sự năm 1995 quy định rõ hình thức của ủy quyền phải là hợp đồng. Về nội dung phải có thỏa thuận của hai bên.

Do Bộ luật dân sự năm 2005 không quy định hình thức của hợp đồng ủy quyền nên hình thức của hợp đồng ủy quyền sẽ tuân theo những quy định chung về hình thức của hợp đồng dân sự nói chung. Điều 401 Bộ luật dân sự quy định: hợp đồng dân sự có thể được giao kết bằng lời nói, bằng văn bản hoặc hành vi cụ thể khi pháp luật không quy định loại hợp đồng đó phải được giao kết bằng một hình thức nhất định.

Nếu theo Bộ luật dân sự năm 1995 thì hình thức của hợp đồng ủy quyền phải là văn bản; còn theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005, hình thức của hợp đồng ủy quyền mở rộng thêm, ngoài hình thức văn bản, còn có hình thức bằng lời nói hoặc hành vi.

¹ Điều 121 Bộ luật dân sự quy định: giao dịch dân sự là hợp đồng hoặc hành vi pháp lý đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

Riêng đối với hoạt động công chứng, nhất thiết hình thức của hợp đồng ủy quyền phải bằng văn bản, trong đó ghi lại thỏa thuận của các bên, lời chứng của công chứng viên theo quy định của pháp luật về công chứng.

Vậy thế nào là văn bản ủy quyền? Theo quy định của Bộ luật dân sự cũng như trong thực tế, hình thức văn bản ủy quyền chính là hình thức hợp đồng, còn gọi là hợp đồng ủy quyền, trong đó ghi lại sự thỏa thuận của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Ngoài hình thức hợp đồng ủy quyền, Bộ luật dân sự không quy định hình thức “giấy ủy quyền”, tuy nhiên trong thực tế có thể có hình thức này. Nhưng ngay cả trong trường hợp đó, giấy ủy quyền phải có đủ chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền thì mới thỏa mãn quy định của pháp luật về sự ủy quyền.

3. Vì thế, khi công chứng việc ủy quyền, không thể chỉ có chữ ký của một bên mà có đủ chữ ký của hai bên. Về hình thức, có thể một số công chứng viên vẫn dùng “giấy ủy quyền”, nhưng phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Đồng thời, các công chứng viên nên sử dụng “hợp đồng ủy quyền” thay thế “giấy ủy quyền” để chuẩn hóa hoạt động công chứng theo đúng quy định của luật.

Đối với trường hợp vì lý do khách quan, cả hai người không có mặt để cùng công chứng việc ủy quyền, công chứng viên cũng có thể vận dụng hướng dẫn trong Nghị định 75/2000/NĐ-CP: Trong trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền không thể cùng đến một cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực thì bên ủy quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực nơi thường trú hoặc tạm trú có thời hạn của họ công chứng, chứng thực hợp đồng ủy quyền; bên được ủy quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền công chứng, chứng thực nơi họ thường trú hoặc tạm trú có thời hạn công chứng, chứng thực tiếp vào bản gốc hợp đồng ủy quyền này hoàn tất thủ tục công chứng, chứng thực hợp đồng ủy quyền.

4. Về phía cơ quan ban hành pháp luật, cần hết sức tránh những quy định không thống nhất, thậm chí văn bản hướng dẫn có quy định trái với văn bản luật gốc. Trong trường hợp cụ thể, cơ quan có thẩm quyền cần lưu ý để có quy định về thủ tục công chứng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự.

Mặt khác, cũng cần thiết có hiệp hội của những người làm nghề công chứng nhằm giúp đỡ, hỗ trợ các công chứng viên trong việc giải quyết những vướng mắc hoặc thống nhất trong nghiệp vụ công chứng.